

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 382/2021/HS-ST

Ngày 14/12/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Ph**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Loan.

2. Bà Trần Thị Liên.

- *Th ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Dương Thị Bích Dịu - Cán bộ Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Tinh; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 14/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 354/2021/HSST ngày 26/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 383/2021/QĐXXST-HS ngày 01/12/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Văn M; Giới tính: Nam; Sinh năm 1989; Tại: Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 00, khu 00, phường Tr, quận K, thành phố Hải Phòng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12. Bị cáo có bố là ông Vũ Văn Ch (đã chết) và có mẹ là bà Bùi Thị L, sinh năm 1962. Gia đình bị cáo có 02 bà em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014. Hiện trú tại: Tổ 00, khu 00, phường Tr, quận K, thành phố Hải Phòng; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/6/2021 đến ngày 28/6/2021 thì được tại ngoại cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Trịnh Văn Ph; Giới tính: Nam; Sinh năm 1994; Tại: Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn:

12/12 bị cáo có bố ông Trịnh Quốc H, sinh năm 1963 và con bà Ngô Thị S, sinh năm 1965. Hiện trú tại: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, thành phố Hải Phòng. Gia đình bị cáo có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo Trịnh Văn Ph bị tạm giữ từ ngày 19/6/2021 đến ngày 28/6/2021 thì được tại ngoại cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Bà Nguyễn Thị Tuyết H1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3/ Bà Trần Thị Kim Tr, sinh năm 2002. Địa chỉ: Số 00 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4/ Bà Trần Thị Mỹ Tr1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 00 A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

5/ Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ dân phố 00, phường Kh, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

6/ Bà Nguyễn Anh Th, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số 00 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

7/ Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1974. Địa chỉ: Hẻm 00 Ng, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

8/ Bà Võ Thị Phương H2, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 00 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

9/ Bà Nguyễn Thị Thu Qu, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số 116/102/16 Y Moal Ênuôl, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

10/ Ông Trần Văn D, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 00 Qu, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

11/ Bà Trần Ngọc H3, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 65/15 Nguyễn Trác, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

12/ Bà Ngô Thị Mộng H4, sinh năm 2002. Địa chỉ: Số 00 Ng, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

13/ Bà Lê Thị Ph, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ dân phố 00, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

14/ Bà Phan Thị Phương M1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 00 Gi, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

15/ Ông Nguyễn Hữu H5, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 00 T, phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

16/ Ông Trịnh Văn D1. Địa chỉ: Số 00 Nguyễn S, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

(Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do háms lợi và muốn có tiền tiêu xài nên Vũ Văn M và Trịnh Văn Ph đã cho người khác vay tiền gúp với lãi nặng, cụ thể như sau:

Khoảng đầu năm 2019, Vũ Văn M đi từ thành phố Hải Phòng đến thành phố Buôn Ma Thuột để hoạt động cho vay tiền gúp với lãi suất cao. Để quản lý việc cho vay, M mua 01 tài khoản trên Tr web Mecash.vn, tên đăng nhập là mông 88888, mật khẩu mm221288, với số tiền 1.500.000 đồng. M sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, màu vàng, gắnsim số 0905.886.xxx, để đăng nhập tài khoản quản lý người vay và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xông, gắnsim số 0865.549.xxx, để liên lạc với người vay. Đến khoảng tháng 3/2020, M quen biết với Trịnh Văn Ph, M và Ph cùng nhau gúp tiền cho người khác vay với lãi suất cao. M chia tài khoản mông88888 ra thêm một tài khoản có tên đăng nhập môngphuc88, mật khẩu 123456, để cùng Ph quản lý việc cho vay, còn tài khoản mông88888 vẫn do M quản lý. Ph sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone Xsmax màu hồng, gắnsim số 0869.922.xxx để đăng nhập phần mềm quản lý người vay và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu trắng, gắnsim số 0969.570.000, để liên lạc với người vay. M và Ph in nhiều tờ rơi có nội dung vay tiền trả gúp kèm số điện thoại 0865.549.xxx, rồi đi đến các khu vực đông dân cư phát tán tờ rơi với mục đích kiếm người vay tiền. Khi có người vay tiền liên hệ thì M và Ph sẽ đến nhà của người vay để xác minh lai lịch, khả năng trả nợ. Sau đó, M và Ph yêu cầu người vay viết giấy vay tiền, đồng thời giữ giấy tờ tùy thân của người vay. Các giấy tờ, tài liệu của người vay, M gửi ở nhà bà Phạm Thị Phương M, tại địa chỉ: 00 Gi, phường T, thành phố B. Số tiền M, Ph cho vay giao động từ 2.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/người/lần vay, thời hạn vay từ 24 ngày đến 30 ngày, người vay phải trả tiền gốc, lãi suất từ 5% - 7%/ngày và trả trước 01 ngày. Ngoài ra, M và Ph còn thu 4%-5% tổng số tiền vay gọi là phí dịch vụ. Chưa hết thời hạn trả nợ, nếu người vay có nhu cầu vay thêm (gọi là đáo hạn) thì M và Ph tiếp tục tính phí như trên và trừ số tiền còn nợ của khoản vay trước đó. Hàng ngày, M và Ph sử dụng xe mô tô biển số: 47B2-0000, hiệu SYM Attila, làm phương tiện đi thu và cho vay tiền gúp. Lợi nhuận có được từ việc cho vay tiền gúp M và Ph chia đôi. Số tiền thu lợi từ các lần cho vay trả gúp, M và Ph sử dụng để cho người khác vay và tiêu xài cá nhân.

Với hình thức nêu trên từ tháng 3/2020 đến tháng 6/2021, trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo Vũ Văn M, Trịnh Văn Ph đã cho 8 người vay tiền tương ứng với 79 lượt vay với tổng số tiền gốc là 404.000.000 đồng tiền gốc với lãi suất từ 243,33% đến 365%/năm vượt quá 5 lần so với lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định, thu lợi bất chính tổng thu lợi bất chính 93.146.322 đồng (trong đó tiền phí vay là 13.900.000 đồng). Ngoài ra, trong thời gian từ tháng 8/2019 đến tháng 5/2021, trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Vũ Văn M còn cho 3 người vay tương ứng 41 lượt vay với tổng số tiền vay gốc là 328.000.000 đồng, theo hình thức trả góp với lãi suất từ 243,33% đến 304,167%, vượt quá 5 lần so với lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định, thu lợi bất chính tổng số tiền 72.833.623 đồng (trong đó có 12.700.000 đồng tiền phí vay).

Cụ thể từ tháng 3/2020 đến tháng 6/2021, trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk Vũ Văn Ph và Trịnh Văn Ph đã cho nhiều người vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính, cụ thể:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết H: Sinh năm 1989, trú tại: Tổ dân phố 00, phường T, thành phố B.

+ Khoản vay thứ nhất: Ngày 18/7/2020, vay số tiền 4.000.000 đồng, phí vay là 100.000 đồng. Thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng (tương ứng lãi suất 365%/năm). Đến ngày 04/8/2020, bà H đóng được 18 ngày, số tiền 3.600.000 đồng thì đáo hạn khoản vay tiếp theo, lãi suất và phí tính như trên, nghĩa là khoản vay ngày 18/7/2020 bà H đã trả đủ (đủ 25 ngày). Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Lãi đã thu 1.000.000đ + 100.000đ phí - tiền lãi hợp pháp là 54.794 đồng (lãi cao nhất theo quy định của pháp luật) = 1.045.206 đồng tiền thu lợi bất chính.

Từ ngày 04/8/2020 đến ngày 30/01/2021, bà H đáo hạn thêm 11 lần vay với số tiền vay, lãi suất, phí vay như nêu trên. Tổng cộng trong 12 lần vay tiền của M và Ph (tính từ ngày 18/7/2020 đến ngày 30/01/2021). Số tiền M và Ph thu lợi bất chính là 12.542.472 đồng (trong đó có 1.200.000 đồng tiền phí vay).

+ Khoản vay thứ hai: Ngày 05/3/2021 vay số tiền 6.000.000 đồng, phí vay là 200.000 đồng. Thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 365%/năm). Bà H đóng được 19 ngày với số tiền 5.700.000 đồng, thì đáo hạn khoản vay tiếp theo, lãi suất và phí tính như trên, nghĩa là khoản vay ngày 05/3/2021 bà H đã trả đủ (đủ 25 ngày). Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là : Lãi đã thu 1.500.000đ + 200.000đ phí - tiền lãi hợp pháp là 82.192 đồng (lãi cao nhất theo quy định của pháp luật) = 1.617.808 đồng tiền thu lợi bất chính.

Từ ngày 26/3/2021 đến ngày 17/5/2021, bà H đáo hạn 4 lần với số tiền vay, lãi suất, phí vay như nêu trên. Từ ngày 05/3/2021 đến ngày 17/5/2021 bà H vay tiền của M và Ph tổng cộng trong 5 lần với số tiền 30.000.000 đồng. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính là 8.089.040 đồng (trong đó có 1.000.000 đồng tiền phí vay).

Số tiền M và Ph cho bà H vay trong 17 lượt là 78.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 1.068.488 đồng, thu lợi bất chính của bà H là 20.631.512 đồng (trong đó có 2.200.000 đồng tiền phí vay)

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết H1, sinh năm 1970, trú tại: Tổ dân phố 00, phường T, thành phố B.

Ngày 06/7/2020, vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay là 200.000 đồng. Thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 208.333 đồng, tiền lãi là 41.667 đồng (tương ứng lãi suất 304%/ năm). Bà H1 đóng được 17 ngày, số tiền 4.250.000 đồng thì đáo hạn khoản vay tiếp theo, lãi suất và phí tính như trên, nghĩa là khoản vay ngày 06/7/2020 bà H1 đã trả đủ (đóng đủ 24 ngày). Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi là 1.000.000đ + 200.000đ phí - tiền lãi hợp pháp là 65.753 đồng, (lãi cao nhất theo quy định của pháp luật) = 1.134.247 đồng tiền thu lợi bất chính.

Từ ngày 22/7/2020 đến ngày 14/5/2021, bà H1 đáo hạn 17 lần vay với số tiền vay, lãi suất, phí vay như nêu trên.

Tổng số tiền M và Ph cho bà H1 trong 18 lượt vay là 90.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 1.183.554 đồng, thu lợi bất chính số tiền 20.416.446 đồng (trong đó có 3.600.000 đồng tiền phí vay)

3. Bà Trần Thị Kim Tr, sinh năm 2002, địa chỉ: 00 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 14/11/2020, vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay là 250.000 đồng. Thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 208.333 đồng, tiền lãi là 41.667 đồng (tương ứng lãi suất 304%/ năm). Bà Tr đóng được 19 ngày, số tiền 4.750.000 đồng thì đáo hạn khoản vay tiếp theo, lãi suất và phí tính như trên, nghĩa là khoản vay ngày 14/11/2020 bà Tr đã trả đủ 24 ngày. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 1.000.000đ + 250.000đ phí – tiền lãi hợp pháp (lãi cao nhất theo quy định của pháp luật) là 65.753 đồng = 1.184.247 đồng tiền thu lợi bất chính.

Từ ngày 02/12/2020 đến ngày 09/01/2021, bà Tr đáo hạn 3 lần vay với số tiền vay, lãi suất, phí vay như nêu trên. Bà Tr thông toán đầy đủ khoản vay trên cho Ph và M

Tổng số tiền M và Ph cho bà Tr trong 4 lượt vay là 20.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 263.012 đồng, thu lợi bất chính số tiền 4.736.988 đồng (trong đó có 1.000.000 đồng tiền phí vay).

4. Bà Trần Thị Mỹ Tr1, sinh năm; 1975, trú tại: 00 A, phường T, thành phố B.

Khoản vay thứ nhất: Ngày 26/02/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay là 250.000 đồng. Thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 208.333 đồng, tiền lãi là 41.667 đồng (tương ứng lãi suất 304, %/ năm). Ngày 21/3/2021, bà Tr1 đã trả đủ khoản vay cho M và Ph. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay

trên là: Tiền lãi đã thu 1.000.000đ + 250.000đ phí – tiền lãi hợp pháp là 65.753 đồng (lãi cao nhất theo quy định của pháp luật) = 1.184.247 đồng tiền thu lợi bất chính.

Từ ngày 21/3/2021 đến ngày 15/4/2021, bà Tr1 đáo hạn 2 lần vay với số tiền vay, lãi suất, phí vay như nêu trên.

Tổng số tiền M và Ph cho bà Tr1 vay trong 03 lượt vay là 15.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 125.001đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.552.741đồng (trong đó có 750.000 đồng tiền phí vay)

5. Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm: 1985, trú tại: Tổ dân phố 00, phường Kh, thành phố B.

Khoản vay thứ nhất: Ngày 25/7/2020, vay số tiền 10.000.000 đồng, phí vay là 500.000 đồng. Thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 66.667 đồng (tương ứng lãi suất 243,33%/ năm). Ngày 23/8/2020, bà Mai đã trả đủ khoản vay cho M và Ph. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 2.000.000đ + 500.000đ phí vay - tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng = 2.335.616 đồng thu lợi bất chính.

Khoản vay thứ hai: Ngày 09/9/2020, vay số tiền 10.000.000 đồng, phí vay là 300.000 đồng. Thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 66.667 đồng (tương ứng lãi suất 243.33%/ năm). Bà Mai trả được 25 ngày, số tiền 10.000.000 đồng thì đáo hạn khoản vay tiếp theo với lãi suất và phí tính như trên, nghĩa là khoản vay ngày 09/9/2020 bà Mai đã trả đủ. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 2.000.000đ + 300.000đ phí = tiền lãi hợp pháp là 164.384 = 2.135.616 đồng thu lợi bất chính.

Từ ngày 03/10/2020 đến ngày 15/01/2021, bà M đáo hạn 5 lần vay với số tiền vay, lãi suất, phí vay như nêu trên. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của bà Mai là 12.813.696 đồng (trong đó có 1.800.000 đồng tiền phí vay).

Khoản vay thứ ba: Ngày 22/02/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay là 200.000 đồng. Thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 166.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng (tương ứng lãi suất 243.33%/ năm). bà M trả được 10 ngày, số tiền 2.000.000 đồng thì đáo hạn khoản vay tiếp theo với lãi suất và phí tính như trên, nghĩa là khoản vay ngày 22/02/2021 bà M đã trả đủ. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 1.000.000đ + 200.000đ phí - tiền lãi hợp pháp là 82.192 đồng = 1.117.808 đồng thu lợi bất chính.

Từ ngày 03/3/2021 đến ngày 22/3/2021, bà Mai đáo hạn 2 lần vay với số tiền vay, lãi suất, phí vay như nêu trên. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của bà H1 là 3.353.424 đồng (trong đó có 600.000 đồng tiền phí vay).

Tổng số tiền M và Ph cho bà M vay trong 9 lượt vay là 85.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 1.397.264 đồng, thu lợi bất chính số tiền 18.502.736 đồng (trong đó có 2.900.000 đồng tiền phí vay)

6. Bà Nguyễn Anh Th, sinh năm: 1998, trú tại: 00 N
, phường T, thành phố B.

+ Khoản vay thứ nhất: Ngày 26/2/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay là 200.000 đồng. Thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 166.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng (tương ứng lãi suất 243.33%/ năm). Ngày 27/3/2021, bà Th đã trả đủ khoản vay cho M và Ph. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 1.000.000đ + 200.000đ phí - tiền lãi hợp pháp là 82.192 đồng, = 1.117.808 đồng tiền thu lợi bất chính.

+ Khoản vay thứ hai: Ngày 04/4/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, không tính phí. Thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 208.333 đồng, tiền lãi là 41.667 đồng (tương ứng lãi suất 304.169%/ năm). Ngày 27/4/2021, bà Th đã trả đủ khoản vay cho M và Ph. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 1.000.000đ - Tiền lãi hợp pháp là 65.753 đồng, tiền thu lợi bất chính là 934.247 đồng.

+ Khoản vay thứ ba: Ngày 29/4/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, không tính phí. Thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 208.333 đồng, tiền lãi là 41.667 đồng (tương ứng lãi suất 304.169%/ năm). Ngày 22/5/2021, bà Th đã trả đủ khoản vay cho M và Ph. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 1.000.000đ - tiền lãi hợp pháp là 65.753 đồng = 934.247 đồng tiền thu lợi bất chính.

Tổng số tiền M và Ph cho bà Th vay trong 3 lượt là 15.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 116.667 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.986.302 đồng (trong đó có 200.000 đồng tiền phí vay)

7. Ông Bùi Văn Đ, sinh năm: 1974, trú tại: Hẻm 56 Nguyễn Thị Định, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột.

Khoản vay thứ nhất: Ngày 26/11/2020, vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay là 250.000 đồng. Thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 208.333 đồng, tiền lãi là 41.667 đồng (tương ứng lãi suất 304.169%/ năm). Ông Đ trả được 18 ngày, số tiền 4.500.000 đồng thì đáo hạn khoản vay tiếp theo với lãi suất và phí tính như trên, nghĩa là khoản vay ngày 26/11/2020 ông Đ đã trả đủ. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 1.000.000đ + 250.000đ phí - tiền lãi hợp pháp là 65.753 đồng = 1.184.247 đồng tiền thu lợi bất chính.

Từ ngày 13/12/2020 đến ngày 30/3/2021, ông Đ tiếp tục vay 6 lần vay với số tiền vay, lãi suất, phí vay như nêu trên. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của ông Đ trong 7 lượt vay (tính cả lượt vay ngày 26/11/2020) là 8.289.729 đồng (trong đó có 1.750.000 đồng tiền phí vay).

Khoản vay thứ hai: Ngày 01/3/2021 vay số tiền 2.000.000 đồng, phí vay là 100.000 đồng. Thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 80.000 đồng, tiền lãi là 20.000 đồng (tương ứng lãi suất 365%/ năm). Ông Đ trả được 16 ngày, số tiền 1.600.000 đồng thì đáo hạn khoản vay tiếp theo với lãi suất và phí tính như trên, nghĩa là khoản vay ngày 01/3/2021 ông Đ đã trả đủ. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 500.000đ lãi + 100.000đ phí - tiền lãi hợp pháp là 27.397 đồng = 572.603 đồng tiền thu lợi bất chính.

Ngày 16/3/2021, ông Đ vay thêm 01 lần số tiền 2.000.000 đồng, tiền phí và lãi suất tính như khoản vay trên. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính là 572.603 đồng tiền thu lợi bất chính (trong đó có 100.000 đồng tiền phí vay).

Tổng số tiền M và Ph cho ông Đ vay là 39.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 515.065 đồng, thu lợi bất chính số tiền 9.434.935 đồng (trong đó có 1.950.000 đồng tiền phí vay)

8. Bà Võ Thị Phương M1, sinh năm: 1984, trú tại: 00 H, phường T, thành phố B.

Khoản vay thứ nhất: Ngày 10/7/2020, vay số tiền 5.000.000 đồng, không tính phí. Thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 208.333 đồng, tiền lãi là 41.667 đồng (tương ứng lãi suất 304.169%/ năm). bà M1 trả được 22 ngày, số tiền 5.000.000 đồng thì đáo hạn khoản vay tiếp theo với lãi suất và phí tính như trên, nghĩa là khoản vay ngày 10/7/2020 bà M1 đã trả đủ. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 1.000.000đ lãi - tiền lãi hợp pháp là 65.753 đồng = 934.247 đồng thu lợi bất chính.

Từ ngày 31/7/2020 đến ngày 13/9/2020, bà M1 tiếp tục đáo hạn vay 2 lần vay với số tiền vay, lãi suất, phí vay như nêu trên. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của bà M1 trong 03 lượt vay (tính cả lượt vay ngày 10/7/2020) là 2.802.741 đồng.

Khoản vay thứ hai: Ngày 23/9/2020, vay số tiền 4.000.000 đồng, phí vay 200.000 đồng. Thời hạn vay 28 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 143.000 đồng, tiền lãi là 7.143 đồng (tương ứng lãi suất 65.18%/ năm, gấp 3,193 lần lãi suất cao nhất theo quy định trong Bộ luật Dân sự), không vi phạm quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý.

Khoản vay thứ ba: Ngày 22/10/2020, vay số tiền 3.000.000 đồng, phí vay 150.000 đồng. Thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 125.000 đồng, tiền lãi là 25.000 đồng (tương ứng lãi suất 304,167%/ năm). Bà M1 trả được 03 ngày, số tiền 450.000 đồng thì đáo hạn khoản vay tiếp theo với lãi suất và phí tính như trên, nghĩa là khoản vay ngày 22/10/2020 bà M1 đã trả đủ. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 600.000đ lãi + 150.000đong phí - tiền lãi hợp pháp là 39.452 đồng = 710.548 đồng tiền thu lợi bất chính.

Từ ngày 24/10/2020 đến ngày 14/11/2020, bà M1 tiếp tục đáo hạn 3 lần vay với số tiền vay, lãi suất, phí vay như nêu trên. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của bà M1 trong 4 lượt vay kể từ ngày 22/10/2020 đến ngày 14/11/2020 là 2.842.192 đồng (trong đó có 600.000 đồng tiền phí vay).

Khoản vay thứ tư: Ngày 05/12/2020, vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay 100.000 đồng. Thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 208.333 đồng, tiền lãi là 41.667 đồng (tương ứng lãi suất 304.169%/ năm). Bà M1 trả được 20 ngày, số tiền 5.000.000 đồng thì đáo hạn khoản vay tiếp theo với lãi suất và phí tính như trên, nghĩa là khoản vay ngày 05/12/2020 bà H2 đã trả đủ. Số tiền M và Ph thu lợi

bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 1.000.000đ + 100.000đồng - tiền lãi hợp pháp là 65.753 đồng = 1.034.247 đồng tiền thu lợi bất chính.

Từ ngày 24/12/2020 đến ngày 03/5/2021, bà M1 tiếp tục đáo hạn 6 lần vay với số tiền vay, lãi suất, phí vay như nêu trên. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của bà M1 trong 7 lượt vay (tính cả lượt vay ngày 05/12/2020) là 7.239.729 đồng (trong đó có 700.000 đồng tiền phí vay).

Tổng số tiền M và Ph cho bà M1 vay trong 14 lượt (không tính lượt vay ngày 23/9/2020) là 62.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 815.338 đồng, thu lợi bất chính số tiền 12.884.662 đồng (trong đó có 1.300.000 đồng tiền phí vay).

Như vậy, tổng số tiền gốc các Vũ Văn M và Trịnh Văn Ph cho vay là 404.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 93.146.322 đồng (trong đó tiền phí vay là 13.900.000 đồng)

Quá trình điều tra, bị cáo Vũ Văn M còn khai nhận trong thời gian từ tháng 8/2019 đến tháng 5/2021, trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, Vũ Văn M cho nhiều người vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính, cụ thể:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Qu, sinh năm: 1967, trú tại: 00Y, phường phường T, thành phố B.

Khoản vay thứ nhất: Ngày 31/8/2019, vay số tiền 10.000.000 đồng, phí vay 400.000 đồng. Thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 66.667 đồng (tương ứng lãi suất 243.33%/ năm). Bà Qu trả được 19 ngày, số tiền 7.600.000 đồng thì đáo hạn khoản vay tiếp theo với lãi suất và phí tính như trên, nghĩa là khoản vay ngày 31/8/2019 bà Qu đã trả đủ. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 2.000.000đ + 400.000đồng phí - tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng = 2.235.616 đồng tiền thu lợi bất chính.

Từ ngày 19/9/2019 đến ngày 07/5/2020, bà Qu tiếp tục đáo hạn 9 lần vay với số tiền vay, lãi suất, phí vay như nêu trên. Số tiền M và Ph, cho bà Qu vay trong 10 lượt vay tính từ ngày 31/8/2019 đến ngày 07/5/2020 là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 1.643.840 đồng, tiền thu lợi bất chính là 22.356.160 đồng (trong đó có 4.000.000 đồng tiền phí vay).

Khoản vay thứ hai: Ngày 14/5/2020, vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay 200.000 đồng. Thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 166.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng (tương ứng lãi suất 243.33%/ năm). Bà Qu đóng được 18 ngày, số tiền 3.600.000 đồng thì đáo hạn khoản vay. Đến ngày 12/6/2020, bà Qu đã đóng đủ khoản vay đã đáo số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 1.000.000đ + 200.000đồng phí - Tiền lãi hợp pháp là 82.191 đồng = 1.117.809 đồng tiền thu lợi bất chính.

Khoản vay thứ ba: Ngày 30/5/2020, vay số tiền 10.000.000 đồng, phí vay 400.000 đồng. Thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 66.667 đồng (tương ứng lãi suất 243.33%/ năm). Bà Qu đóng được 13 ngày, số tiền 5.200.000 đồng thì đáo hạn khoản vay. Đến ngày 28/6/2020, bà Qu đã đóng đủ khoản vay đã đáo số tiền 12.000.000 đồng. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của

khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 2.000.000đ + 400.000đồng phí - Tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng = 2.235.616 đồng tiền thu lợi bất chính.

Khoản vay thứ tư: Ngày 11/6/2020, vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay 200.000 đồng. Thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 166.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng (tương ứng lãi suất 243.33%/ năm). Bà Qu đóng được 12 ngày, số tiền 2.400.000 đồng thì đáo hạn khoản vay. Đến ngày 10/7/2020, bà Qu đã đóng đủ khoản vay đã đáo số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 1.000.000đ + 200.000đồng phí - Tiền lãi hợp pháp là 82.191đồng = 1.117.809 đồng tiền thu lợi bất chính.

Khoản vay thứ năm: Ngày 23/6/2020, vay số tiền 10.000.000 đồng, phí vay 400.000 đồng. Thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 66.667 đồng (tương ứng lãi suất 243.33%/ năm). Bà Qu đã đóng đủ khoản vay số tiền 12.000.000 đồng. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 2.000.000đ + 400.000đồng phí - Tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng = 2.235.616 đồng thu lợi bất chính.

Khoản vay thứ sáu: Ngày 09/9/2020, bà Qu vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay 200.000 đồng Thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 166.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng (tương ứng lãi suất 243.33%/ năm). Bà Qu trả được 24 ngày, số tiền 4.800.000 đồng thì đáo hạn khoản vay tiếp theo với lãi suất và phí tính như trên, nghĩa là khoản vay ngày 09/9/2020 bà Qu đã trả đủ. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 1.000.000đ + 200.000đồng phí - Tiền lãi hợp pháp là 82.191đồng = 1.117.809 đồng tiền thu lợi bất chính.

Từ ngày 02/10/2020 đến ngày 10/2/2020, bà Qu tiếp tục đáo hạn 4 lần vay với số tiền vay, lãi suất, phí vay như nêu trên. Số tiền M và Ph cho bà Qu trong 05 lượt vay kể từ ngày 09/9/2020 đến ngày 10/12/2020 là 25.000.000 đồng, tiền lãi là 410.955 đồng, tiền thu lợi bất chính của bà Qu là 5.589.045 đồng (trong đó có 1.000.000 đồng tiền phí vay).

Khoản vay thứ bảy: Ngày 26/02/2021, bà Qu vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay 200.000 đồng Thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 208.333 đồng, tiền lãi là 41.667 đồng (tương ứng lãi suất 304.169%/ năm). Bà Qu đã trả đủ số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 1.000.000đ + 200.000đồng phí - tiền lãi hợp pháp là 65.753 đồng = 1.134.247 đồng tiền thu lợi bất chính.

Khoản vay thứ tám: Ngày 26/02/2021, bà Qu vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay 200.000 đồng Thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 166.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng (tương ứng lãi suất 243.33%/ năm). Bà Qu đã trả đủ số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 1.000.000đ + 200.000đồng phí - Tiền lãi hợp pháp là 82.191đồng = 1.117.809 đồng tiền thu lợi bất chính.

Tổng số tiền Vũ Văn M cho bà Qu vay là 165.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 2.695.889 đồng, thu lợi bất chính số tiền 36.904.111 đồng (trong đó có 6.600.000 đồng tiền phí vay)

2. Ông Trần Văn D, sinh năm: 1970, trú tại: 00 Qu, phường T, thành phố B.

Khoản vay thứ nhất: Ngày 19/8/2019, ông D vay số tiền 7.500.000 đồng, phí vay 300.000 đồng. Thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (tương ứng lãi suất 243.33%/ năm). Ông D đã trả đủ khoản vay trên. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 1.500.000đ + 300.000đ phí - Tiền lãi hợp pháp là 123.287 đồng = 1.676.713 đồng tiền thu lợi bất chính.

Từ ngày 21/9/2019 đến ngày 27/6/2020, ông D tiếp tục vay của M tổng cộng 10 lần với số tiền, lãi suất và phí vay như nêu trên. Số tiền M và Ph cho ông D vay trong 11 lượt vay (tính cả lượt vay ngày 19/8/2019) là 82.500.000đồng. Tổng số tiền M thu lợi bất chính của ông D là 18.443.843 đồng (trong đó có 3.300.000 đồng tiền phí vay).

Khoản vay thứ hai: Ngày 27/7/2020, ông D vay số tiền 7.500.000 đồng, phí vay 200.000 đồng. Thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng (tương ứng lãi suất 243.33%/ năm). Ông D đã trả đủ khoản vay trên. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 1.500.000đ + 200.000đ phí - Tiền lãi hợp pháp là 123.287 đồng = 1.576.713 đồng tiền thu lợi bất chính.

Từ ngày 26/8/2020 đến ngày 26/01/2021, ông D tiếp tục vay của M tổng cộng 06 lần với số tiền, lãi suất và phí vay như nêu trên. Số tiền M và Ph cho ông D trong 7 lượt vay (tính cả lượt vay ngày 27/7/2020) là 52.500.000đồng. Tổng số tiền M thu lợi bất chính của ông D là 11.036.991 đồng (trong đó 1.400.000 đồng là tiền phí vay).

Khoản vay thứ ba: Ngày 28/02/2021, ông D vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay 200.000 đồng. Thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 167.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng (tương ứng lãi suất 243.33%/ năm). Ngày 29/3/2021, ông D đã trả đủ khoản vay trên. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 1.000.000đ + 200.000đ phí - Tiền lãi hợp pháp là 82.191 đồng = 1.117.809 đồng tiền thu lợi bất chính.

Khoản vay thứ tư: Ngày 14/3/2021, ông D vay số tiền 2.000.000 đồng, không tính phí. Thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 80.000 đồng, tiền lãi là 20.000 đồng (tương ứng lãi suất 365%/ năm). Ngày 07/4/2021, ông D đã trả đủ khoản vay trên. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 500.000đ - Tiền lãi hợp pháp là 27.397 đồng = 472.603 đồng thu lợi bất chính.

Khoản vay thứ năm: Ngày 30/3/2021, ông D vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay 200.000 đồng. Thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 167.667 đồng, tiền lãi là 33.333 đồng (tương S số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên

là: Tiền lãi đã thu 1.000.000đ + 200.000đồng phí - Tiền lãi hợp pháp là 82.191 đồng = 1.117.809 đồng tiền thu lợi bất chính.

Tổng số tiền Vũ Văn M cho ông D vay trong 21 lượt vay là 147.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 2.410.945 đồng, thu lợi bất chính của ông D là 32.189.055 đồng (trong đó có 5.100.000 đồng tiền phí vay)

3. Bà Trần Thị Kim Tr, sinh năm: 2002, trú tại: 00 L, phường T, thành phố B.

Khoảng tháng 5/2021, bà Tr hỏi M vay số tiền 8.000.000 đồng. Tuy nhiên, M không có tiền nên nói Trịnh Văn D1 (trú tại: 00 Ng, phường T, thành phố B), đưa tiền cho M để M đưa cho bà Trần Thị Kim Tr vay và thỏa thuận tiền lãi thì D1 hưởng còn tiền phí thì M hưởng, cụ thể:

Khoản vay thứ 1: Ngày 13/5/2021, bà Tr vay số tiền 8.000.000 đồng, phí vay là 500.000 đồng. Thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 66.667 đồng (tương ứng lãi suất 304.167%/ năm). Bà Tr đã trả đủ khoản vay trên. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 1.600.000đ + 500.000đồng phí - Tiền lãi hợp pháp là 105.205 đồng = 1.994.795 đồng tiền thu lợi bất chính.

Khoản vay thứ 2: Ngày 30/5/2021, vay vay số tiền vay số tiền 8.000.000 đồng, phí vay là 500.000 đồng. Thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 66.667 đồng (tương ứng lãi suất 304.167%/ năm). Bà Tr đã đóng 20 ngày số tiền 8.000.000 đồng. Số tiền M và Ph thu lợi bất chính của khoản vay trên là: Tiền lãi đã thu 1.333.340đ + 500.000đồng phí - Tiền lãi hợp pháp 87.671 đồng (Lãi trong 20 ngày) = là 1.745.662 đồng tiền thu lợi bất chính.

Tổng số tiền M và Dư cho bà Tr vay là 16.000.000 đồng, lãi hợp pháp là 192.876 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.740.457 đồng. Số tiền góp mỗi ngày M đưa lại cho D1, tiền lãi D1 hưởng, M hưởng lợi số tiền 1.000.000 đồng tiền phí vay.

Tổng số tiền bị cáo Vũ Văn M cho 3 người vay riêng là 328.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 72.833.623 đồng (trong đó có 12.700.000 đồng tiền phí vay).

Đồ vật, tài liệu bị tạm giữ

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã tạm giữ:

- 01 tờ giấy có in nội dung: “Cảnh giác lừa đảo, đối tượng D đã lợi dụng lòng tin chiếm đoạt tài sản”.
- 01 chứng minh nhân dân số 372106043 mang tên Ngô Thị Mộng H4 (bản gốc).
- 01 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Nguyễn Thị Tuyết H.
- 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Tuyết H1 (bản photo).
- 01 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Nguyễn Thị Tuyết H1.

- 01 chứng minh nhân dân số 240288625 mang tên Nguyễn Thị Thu Qu (bản gốc).
- 01 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Nguyễn Thị Thu Qu.
- 01 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Bùi Văn Đ.
- 02 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Võ Thị Phương M1.
- 01 trích lục khai sinh Nguyễn Võ Bảo A (bản sao).
- 01 giấy khai sinh Nguyễn Võ Bảo H (bản photo).
- 01 điện thoại di động hiệu động Iphone 7 plus, màu vàng, gắn sim số 0905.886.xxx;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh, gắn sim số 0865.549.xxx;
- 01 xe mô tô biển số: 47B2-0000, nhãn hiệu SYM Attila;
- 01 điện thoại di động Iphone XSmax, màu H1, gắn sim số 0869.922.xxx;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu trắng, gắn sim số 0969.570.xxx

Tại Cáo trạng số 383/CT-VKS -TPBMT ngày 26/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Vũ Văn M về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự ; Bị cáo Trịnh Văn Ph về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên quyết định truy tố đối với Vũ Văn M về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự Trịnh Văn Ph về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự và đề nghị:

- Về hình phạt:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 khoản 2 khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Vũ Văn M 01(một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điều 36 điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt Bị cáo Trịnh Văn Ph từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung:

- Đề nghị phạt tiền bị cáo Vũ Văn M 40.000.000đồng đến 50.000.000đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Đề nghị phạt tiền bị cáo Trịnh Văn Ph 30.000.000đ đồng đến 40.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước

Đối với việc trong quá trình điều tra các bị cáo Vũ Văn M và Trịnh Văn Ph khai nhận M và Ph còn cho một số người chưa rõ nhân thân, lai lịch vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính, gồm: Phạm Văn D, H tiến béo, H mập, Đinh Thị Lê U nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Đối với những người không rõ nhân thân, lai lịch mà bị cáo Vũ Văn M cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính, gồm: H3 bạn nâu, Th em H3, Thông B và D quân đội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Đối với Trần Thị Hồng Vân, trú tại: 00 L, phường T, thành phố B; Nguyễn Thị Th, trú tại: 00 Ng, phường T, thành phố B; Hoàng Phương M, trú tại: 00 Tr, phường T, thành phố B là những người bị cáo Vũ Văn M và Trịnh Văn Ph vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng hiện bà V, bà Th và bà M không còn sinh sống tại địa phương, đi đâu không rõ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp

Đối với Nguyễn Thị H, trú tại: 00 M, phường T, thành phố B; Nguyễn Thị Minh H4, trú tại: 00 H, phường T, thành phố B; Ngô Mộng Th, trú tại: Tổ dân phố 00, phường T, thành phố B; Nguyễn Vy Nh, trú tại: 00 L, phường T, thành phố B và Nguyễn Thị Thùy L, trú tại: 00 Gi, phường T, thành phố B, là những người bị cáo Vũ Văn M cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã tiến hành xác minh, xác định bà H, bà H4, bà Th, bà Nh và bà L không còn sinh sống tại địa phương, đi đâu không rõ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với Trịnh Văn D1 là người cùng bị cáo Vũ Văn M cho bà Trần Thị Kim Tr vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính vào các ngày 13/5/2021 và ngày 30/5/2021 với số tiền 16.000.000 đồng. Ngày 29/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với Trịnh Văn D1 về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, trong vụ án khác nên không đề cập xử lý trong vụ án này là phù hợp.

Đối với bà Phan Thị Phương M1, là người cất giữ các giấy tờ, tài liệu của bị cáo Vũ Văn M. Tuy nhiên, bà M1 không biết các giấy tờ, tài liệu trên có liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo M, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với bà Trần Ngọc H3, trú tại: Số 00 Ng, phường T, thành phố B và bà Lê Thị Ph, trú tại Tổ dân phố 00, phường T, thành phố B, là người cho M và Ph thuê phòng trọ. Tuy nhiên, bà H3 và bà Ph không biết việc M và Ph thực hiện hành vi

cho vay tiền trả góp với lãi suất cao, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với người đã bán tài khoản trên phần mềm “mecash.vn” (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cho bị cáo Vũ Văn M để thực hiện Hành vi cho vay lãi nặng, hiện Cơ quan điều tra chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau, là phù hợp.

Các biện pháp tư pháp và vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 và khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Về vật chứng:

Đối với số tiền 404.000.000 đồng tiền gốc và 5.484.389 đồng tiền lãi hợp pháp, tổng cộng 409.484.389 đồng. Quá trình điều tra xác định, đây là phương tiện các bị cáo Vũ Văn M và Trịnh Văn Ph sử dụng phạm tội và khoản tiền do các bị cáo Vũ Văn M và Trịnh Văn Ph phạm tội mà có nên cần truy thu của các bị cáo Vũ Văn M và Trịnh Văn Ph số tiền 409.484.389 đồng để nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 312.000.000 đồng tiền gốc và 5.106.834 là tiền lãi hợp pháp, tổng cộng 317.106.834 đồng. Quá trình điều tra xác định, đây là phương tiện bị cáo Vũ Văn M sử dụng phạm tội và khoản tiền do bị cáo Vũ Văn M phạm tội mà có nên cần truy thu để nộp Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với số tiền 16.000.000 đồng tiền gốc và 192.876 đồng tiền lãi hợp pháp, tổng cộng 16.192.876 đồng mà bị cáo Vũ Văn M và Trịnh Văn D1 cho bà Trần Thị Kim Tr vay lãi nặng. Quá trình điều tra xác định, số tiền 16.000.000 đồng là tiền của Trịnh Văn D1 cho bà Tr vay và số tiền 192.876 đồng tiền lãi hợp pháp Trịnh Văn D1 là người được hưởng. Ngày 29/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với Trịnh Văn D1 về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, trong vụ án khác nên không đề cập xử lý trong vụ án này là phù

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu trắng, gắn sim số 0969570xxx; 01 điện thoại di động hiệu động Iphone 7 plus, màu vàng, gắn sim số 0905886xxx; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh, gắn sim số 0865549xxx. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu trắng, gắn sim số 0969570xxx; 01 điện thoại di động hiệu động Iphone 7 plus, màu vàng, gắn sim số 0905886xxx; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh, gắn sim số 0865549xxx, là tài sản của bị cáo Trịnh Văn Ph và Vũ Văn M, sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone XSmax, màu H1, gắn sim số 0869.922.xxx, là tài sản của bà Ngô Thị Mộng H4 cho bị cáo Trịnh Văn Ph mượn sử dụng làm phương tiện liên lạc. Bà H4 không biết bị cáo Ph sử dụng điện thoại di động để thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại điện thoại di động cho bà H4 nhận quản lý, sử dụng, là phù hợp.

Đối với xe mô tô biển số 47B2-0000, hiệu SYM Attila, màu sơn vàng, là tài sản của ông Nguyễn Hữu H5. Tháng 2/2021, ông H5 cho bị cáo Vũ Văn M mượn làm phương tiện đi lại. Việc các bị cáo Vũ Văn M và Trịnh Văn Ph sử dụng xe mô tô biển số 47B2-0000 thực hiện hành vi phạm tội, ông H5 không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe mô tô biển số 47B2-0000 cho ông H5 quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với: 01 chứng minh nhân dân số 372106043 mang tên Ngô Thị Mộng H4 (bản gốc), quá trình quen biết bà H4 nhờ bị cáo Trịnh Văn Ph cất giữ và 01 chứng minh nhân dân số 240288625 mang tên Nguyễn Thị Thu Qu (bản gốc). Quá trình điều tra xác định đây là các giấy tờ tùy thân của bà Ngô Thị Mộng H4 và bà Nguyễn Thị Thu Qu nên cần trả lại cho bà Ngô Thị Mộng H4 và bà Nguyễn Thị Thu Qu nhận quản lý sử dụng.

Đối với: 01 tờ giấy có in nội dung: “Cảnh giác lừa đảo, đối tượng đã lợi dụng lòng tin chiếm đoạt tài sản”; 01 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Nguyễn Thị Tuyết H; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Tuyết H1 (bản photo); 01 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Nguyễn Thị Tuyết H1; 01 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Nguyễn Thị Thu Qu; 01 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Bùi Văn Đ; 02 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Võ Thị Phương H2; 01 trích lục khai sinh Nguyễn Võ Bảo A (bản sao); 01 giấy khai sinh Nguyễn Võ Bảo H (photo). Quá trình điều tra xác định, đây đều là vật chứng của vụ án thể hiện việc các bị cáo Vũ Văn M và Trịnh Văn Ph thực hiện hành vi phạm tội nên cần lưu giữ tại hồ sơ vụ án để phục vụ công tác xét xử là phù hợp.

+ Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 93.146.322 đồng, trong đó: Bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền 20.631.512 đồng, bà Nguyễn Thị Tuyết H1 số tiền 20.416.446 đồng, bà Trần Thị Kim Tr số tiền 4.736.988 đồng, bà Trần Thị Mỹ Tr số tiền 3.552.741 đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 18.502.736 đồng, bà Nguyễn Anh Th số tiền 2.986.302 đồng, ông Bùi Văn Đ số tiền 9.434.935 đồng và bà Võ Thị Phương M1 số tiền 12.884.662 đồng. Quá trình điều tra xác định, là tiền các bị cáo Vũ Văn M và Trịnh Văn Ph thu lợi bất chính của những người vay nên cần buộc bị cáo Vũ Văn M và Trịnh Văn Ph hoàn trả lại cho Nguyễn Thị Tuyết H, Nguyễn Thị Tuyết H1, Trần Thị Kim Tr, Trần Thị Mỹ Tr1, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Anh Th, Bùi Văn Đ và Võ Thị Phương M1.

Đối với số tiền 72.833.623 đồng, trong đó: Bà Nguyễn Thị Thu Qu số tiền 36.904.111 đồng, ông Trần Văn D số tiền 32.189.055 đồng và bà Trần Thị Kim Tr số tiền 1.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định, là tiền bị cáo Vũ Văn M thu lợi bất chính của những người vay nên cần buộc bị cáo Vũ Văn M hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu Qu, ông Trần Văn D và bà Trần Thị Kim Tr.

Tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Văn M, Trịnh Văn Ph không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố thì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Vũ Văn M và Trịnh Văn Ph khai: Từ tháng 3/2020 đến tháng 6/2021, trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, Vũ Văn M và Trịnh Văn Ph đã cho 8 cá nhân vay tổng số tiền gốc là 404.000.000 đồng tiền gốc thu lợi bất chính 93.146.322 đồng (trong đó tiền phí vay là 13.900.000 đồng). Ngoài ra từ tháng 8/2019 đến tháng 5/2021, trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột bị cáo Vũ Văn M còn cho 3 cá nhân vay tổng số tiền là 328.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 72.833.623 đồng (trong đó có 12.700.000 đồng tiền phí vay).

Việc cho vay, bị cáo M và bị cáo Ph tự đặt ra mức lãi suất và phí từ theo hình thức trả góp với lãi suất từ 243%-365%, (gấp 12 đến 18 lần so với lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà nhà nước quy định là 20%/năm được quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015). Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Cáo trạng số 383/CT-VKSTP.BMT ngày 26/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố đối với bị cáo Vũ Văn M, về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự và Trịnh Văn Ph, về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm Hành chính về Hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.”.

“2. Phạm tội mà thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[3] Xét Hành vi của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo tuy đơn giản nhưng nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng; gây bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xã hội nói chung. Các bị cáo đều là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được pháp luật; biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi, muốn có tiền một cách nhanh chóng nên vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo tự đặt ra mức lãi suất từ 243% -365%, (gấp 12 đến 18 lần so với lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà nhà nước quy định là 20%/năm được quy định trong Bộ luật Dân sự. Đồng thời các bị cáo đã thu lợi bất chính tổng số tiền 165.979.945 đồng. Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột nói riêng và cả nước nói chung nên cần phải xử lý nghiêm để các bị cáo có điều kiện được giáo dục và cải tạo thành người công dân tốt sau này cũng như răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Trong vụ án này hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, mức độ tham gia của từng bị cáo trong vụ án là khác nhau nên cần phân hóa vai trò, nhân thân của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

Đối với bị cáo Vũ Văn M, bị cáo là người có vai trò chính trong vụ án, ngoài số tiền số tiền 404.000.000 đồng M cùng Ph góp vốn để cho vay lãi nặng, thu lợi bất chính số tiền 93.146.322đồng, bị cáo Vũ Văn M còn cho 3 cá nhân vay tổng số tiền là 312.000.000 đồng thu lợi bất chính số tiền 72.833.623 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố M Về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là hoàn toàn phù hợp. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, số tiền bị cáo thu lợi bất chính nhiều hơn bị cáo Ph do vậy mức hình phạt đối với bị cáo nghiêm khắc hơn đối với bị cáo Ph là phù hợp.

Đối với Trịnh Văn Ph là đồng phạm trong vụ án. Bị cáo Ph nhận thức được việc cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm. Tuy nhiên do háms lợi nên Ph đã góp tiền với Vũ Văn M rồi cùng M dùng số tiền 404.000.000 đồng để cho vay lãi nặng để thu lợi bất chính số tiền 93.146.322đồng Vì vậy, bị cáo cũng phải chịu mức Hành phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, do số tiền mà bị cáo Ph thu lợi bất chính ít hơn bị cáo M. Do vậy, bị cáo phải chịu mức hình phạt nhẹ hơn so với bị cáo M là phù hợp.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình tố tụng và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra đối với bị cáo Trịnh Văn Ph có bố là ông Trịnh Quốc H là Thương binh là Thương binh hạng 2/4. Do vậy, bị cáo Ph con được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5]. Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của Hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Xét thấy: Các bị cáo cho vay với mức lãi suất cao để thu lợi bất chính từ việc cho vay, do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm do mình gây ra. Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo M; áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ph, giao các bị cáo về địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo cũng đủ tác dụng cải tạo các bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định thu nhập bấp bênh nên không khấu trừ thu nhập của các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo Vũ Văn M cho vay lãi nặng và thu lợi bất chính nên HĐXX áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo số tiền 45.000.000đ đối với bị cáo là phù hợp.

Đối với Trịnh Văn Ph bị cáo cũng là người trực tiếp góp tiền cho vay lãi nặng để thu lợi bất chính. Tuy nhiên, số tiền mà Ph thu lợi bất chính ít hơn so với bị cáo M. Do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Ph số tiền 35.000.000đ đối với bị cáo là phù hợp.

[6]. Về biện pháp tư pháp và vật chứng:

[6.1] Đối với số tiền 404.000.000 đồng tiền gốc và 5.484.389 đồng tiền lãi hợp pháp, tổng cộng 409.484.389 đồng. Quá trình điều tra xác định, đây là phương tiện các bị cáo Vũ Văn M và Trịnh Văn Ph sử dụng phạm tội và khoản tiền do các bị cáo Vũ Văn M và Trịnh Văn Ph phạm tội mà có nên cần truy thu của các bị cáo Vũ Văn M và Trịnh Văn Ph số tiền 409.484.389 đồng để sung Ngân sách NHÀ nước. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Trịnh Văn Ph và Vũ Văn M xác định các bị cáo cùng nhau góp tiền để cho vay, các khoản thu được cùng nhau tiêu xài. Do vậy, truy thu của M và Ph mỗi bị cáo 204.742.194 đồng để nộp ngân sách NHÀ nước là phù hợp.

Đối với số tiền 312.000.000 đồng tiền gốc và số tiền 5.106.834 là tiền lãi hợp pháp, tổng cộng 317.106.834 đồng. Quá trình điều tra xác định được đây là tiền của M, M sử dụng làm sử dụng làm phương tiện phạm tội và khoản tiền do bị cáo Vũ Văn M phạm tội mà có nên cần truy thu của bị cáo Vũ Văn M số tiền 317.106.834 đồng để sung Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[6.2] Về phần dân sự của vụ án:

+ Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được M và Ph đã thu lợi bất chính số tiền 93.146.322 đồng. Số tiền trên các bị cáo đã thu lợi của các cá nhân sau: Bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền 20.631.512 đồng; Bà Nguyễn Thị Tuyết H1 số tiền 20.416.446 đồng; Bà Trần Thị Kim Tr số tiền 4.736.988 đồng; Bà Trần Thị Mỹ Tr1 số tiền 3.552.741 đồng; Bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 18.502.736 đồng; Bà Nguyễn Anh Th số tiền 2.986.302 đồng; Ông Bùi Văn Đ số tiền 9.434.935 đồng; Bà Võ Thị Phương M1 số tiền 12.884.662 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận sau khi thu được số tiền trên thì Ph và M sử dụng số tiền trên để chi tiêu sử dụng chung.

Do vậy, cần buộc các bị cáo M và Ph mỗi bị cáo phải phải trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan $\frac{1}{2}$ số tiền mà các bị cáo đã thu lợi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

+ Đối với số tiền 72.833.623 đồng mà bị cáo Vũ Văn M đã thu bất chính của 03 cá nhân. Trong đó của bà Nguyễn Thị Thu Qu số tiền 36.904.111 đồng; ông Trần Văn D số tiền 32.189.055 đồng; bà Trần Thị Kim Tr. Đây là số tiền bị cáo M đã thu lợi bất chính bà Qu, ông D, bà Tr số tiền 1.000.000 đồng. Do vậy cần buộc bị cáo M phải trả lại cho phải trả lại cho:

- Bà Nguyễn Thị Thu Qu số tiền 36.904.111 đồng;
- Ông Trần Văn D số tiền 32.189.055 đồng;
- Bà Trần Thị Kim Tr số tiền 1.000.000 đồng.

[6.3] Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ vật chứng cần xử lý như sau:

Đối với số tiền 16.000.000 đồng tiền gốc và 192.876 đồng tiền lãi hợp pháp, tổng cộng 16.192.876 đồng mà bị cáo Vũ Văn M và Trịnh Văn D1 cho bà Trần Thị Kim Tr vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Quá trình điều tra xác định, số tiền 16.000.000 đồng là tiền của Trịnh Văn D1 cho bà Tr vay và số tiền 192.876 đồng tiền lãi hợp pháp Trịnh Văn D1 là người được hưởng. Ngày 29/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với Trịnh Văn D1 về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, trong vụ án khác nên không đề cập xử lý trong vụ án này là phù.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu trắng, số IMEI 357341086539xxx, gắn sim số 0969570xxx; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, màu vàng, số IMEI 356572087574487, gắn sim số 0905886xxx; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh, số IMEI 357743108538525 gắn sim số 0865549xxx.

Quá trình điều tra xác định 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu trắng, số IMEI 357341086539043, gắn sim số 0969570xxx là tài sản của Trịnh Văn Ph còn 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, màu vàng, số IMEI 356572087574487, gắn sim số 0905886xxx; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh, số IMEI 357743108538525 gắn sim số 0865549xxx là tài sản của bị cáo

Vũ Văn M, sử dụng làm phương tiện thực hiện Hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone XSmax, màu hồng, gắn sim số 0869.922.268, là tài sản của bà Ngô Thị Mộng H4 cho bị cáo Trịnh Văn Ph mượn sử dụng làm phương tiện liên lạc. Bà H4 không biết bị cáo Ph sử dụng điện thoại di động để thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình, điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại điện thoại di động cho bà H4 nhận quản lý, sử dụng, là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với xe mô tô biển số 47B2 -0000, hiệu SYM Attila, màu sơn vàng, là tài sản của ông Nguyễn Hữu H5. Tháng 2/2021, ông Hùng cho bị cáo Vũ Văn M mượn xe mô tô biển số 47B2-0000, làm phương tiện đi lại. Việc các bị cáo Vũ Văn M và Trịnh Văn Ph sử dụng xe mô tô biển số 47B2-0000 thực hiện hành vi phạm tội, ông H5 không biết. Quá trình, điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe mô tô biển số 47B2-0000 cho ông H5 nhận quản lý, sử dụng là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với 01 chứng minh nhân dân số 372106043 mang tên Ngô Thị Mộng H4 (bản gốc), là tài sản của H4, quá trình quen biết bà H4 nhờ bị cáo Trịnh Văn Ph cất giữ và 01 chứng minh nhân dân số 240288625 mang tên Nguyễn Thị Thu Qu (bản gốc). Quá trình điều tra xác định đây là các giấy tờ tùy thân của bà Ngô Thị Mộng H4 và bà Nguyễn Thị Thu Qu nên cần trả lại cho bà Ngô Thị Mộng H4 và bà Nguyễn Thị Thu Qu nhận quản lý sử dụng.

Đối với: 01 tờ giấy có in nội dung: “Cảnh giác lừa đảo, đối tượng D đã lợi dụng lòng tin chiếm đoạt tài sản”; 01 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Nguyễn Thị Tuyết H; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Tuyết H1 (bản photo); 01 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Nguyễn Thị Tuyết H1; 01 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Nguyễn Thị Thu Qu; 01 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Bùi Văn Đ; 02 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Võ Thị Phương M1; 01 trích lục khai sinh Nguyễn Võ Bảo A (bản sao); 01 giấy khai sinh Nguyễn Võ Bảo H (bản photo). Quá trình điều tra xác định, đây đều là vật chứng của vụ án thể hiện việc các bị cáo Vũ Văn M và Trịnh Văn Ph thực hiện hành vi phạm tội nên cần lưu giữ tại hồ sơ vụ án là phù hợp.

[7] Ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về phần tội danh, điều luật, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự đối với vụ án là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các bị cáo Vũ Văn M, Trịnh Văn Ph phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn M, bị cáo Trịnh Văn Ph phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

- Căn cứ khoản 2 khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn M 01(một) năm 06 (sáu) tháng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án. (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 19/6/2021 đến ngày 28/6/2021)

Giao bị cáo M về chính quyền phường Tr, quận K, thành phố Hải Phòng để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật này.

- Căn cứ khoản 1 khoản 3 Điều 201; Điều 36; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn Ph 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng Cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/6/2021 đến ngày 28/6/2021 (01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Trịnh Văn Ph còn phải chấp hành 02 (hai) năm 05 (năm) tháng Cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Trịnh Văn Ph tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Hình phạt bổ sung:

- Phạt tiền bị cáo Vũ Văn M số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Phạt tiền bị cáo Trịnh Văn Ph số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Các biện pháp tư pháp và vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự .

Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo Vũ Văn M phải trả số tiền đã thu lợi bất chính cho những người có tên và số tiền cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền 10.315.756 đồng,
- Bà Nguyễn Thị Tuyết H1 số tiền 10.208.223 đồng;
- Bà Trần Thị Kim Tr số tiền 2.368.494 đồng;
- Bà Trần Thị Mỹ Tr1 số tiền 1.776.370 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 9.251.368 đồng;

- Bà Nguyễn Anh Th số tiền 1.493.151 đồng;
- Ông Bùi Văn Đ số tiền 4.717.467 đồng;
- Bà Võ Thị Phương M1 số tiền 6.442.331 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Thu Qu số tiền 36.904.111 đồng;
- Ông Trần Văn D số tiền 32.189.055 đồng;
- Bà Trần Thị Kim Tr số tiền 1.000.000 đồng.

+ Bị cáo Trịnh Văn Ph phải trả lại số tiền đã thu lợi bất chính cho những người có tên và số tiền cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền 10.315.756 đồng,
- Bà Nguyễn Thị Tuyết H1 số tiền 10.208.223 đồng;
- Bà Trần Thị Kim Tr số tiền 2.368.494 đồng;
- Bà Trần Thị Mỹ Tr số tiền 1.776.370 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền .251.368 đồng;
- Bà Nguyễn Anh Th số tiền 1.493.151 đồng;
- Ông Bùi Văn Đ số tiền 4.717.467 đồng;
- Bà Võ Thị Phương M1 số tiền 6.442.331 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 204.742.194 đồng của bị cáo Trịnh Văn Ph do Ph sử dụng vào việc phạm tội và do thu lợi bất chính mà có.

- Truy thu Sung vào ngân sách Nhà nước số tiền tổng cộng là 521.849.028 đồng của bị cáo Vũ Văn M do M đã sử dụng vào việc phạm tội và do thu lợi bất chính mà có.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu trắng, số IMEI 357341086539043, gắn sim số 0969570xxx là tài sản của Trịnh Văn Ph; 01 điện thoại di động hiệu động Iphone 7 plus, màu vàng, số IMEI 356572087574487, gắn sim số 0905886xxx; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh, số IMEI 357743108538525 gắn sim số 0865549xxx của bị cáo Vũ Văn M do bị cáo M và Ph sử dụng làm công cụ phạm tội.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả 01 điện thoại di động Iphone XSmax, màu hồng, gắn sim số 0869.922.xxx bà Ngô Thị Mộng H4; trả 01 xe mô tô biển số 47B2 - 0000, hiệu SYM Attila, màu sơn vàng, là tài sản của ông Nguyễn Hữu Hùng là chủ sở hữu.

- Trả lại 01 chứng minh nhân dân số 372106043 mang tên Ngô Thị Mộng H4 (bản gốc) và 01 chứng minh nhân dân số 240288625 mang tên Nguyễn Thị Thu Qu (bản gốc) cho bà Ngô Thị Mộng H4 và bà Nguyễn Thị Thu Qu là chủ sử dụng.

(Điện thoại, Chứng minh nhân dân có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 13/12/2021 giữa Chi cục Thi hành án thành phố Buôn Ma Thuột và Công an thành phố Buôn Ma Thuột)

- Lưu vào hồ sơ 01 tờ giấy có in nội dung: “Cảnh giác lừa đảo, đối tượng D đã lợi dụng lòng tin chiếm đoạt tài sản”; 01 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Nguyễn Thị Tuyết H; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Tuyết H1 (bản photo); 01 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Nguyễn Thị Tuyết H1; 01 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Nguyễn Thị Thu Qu; 01 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Bùi Văn Đ; 02 hợp đồng vay tiền có chữ ký của Võ Thị Phương M1; 01 trích lục khai sinh Nguyễn Võ Bảo A (bản sao); 01 giấy khai sinh Nguyễn Võ Bảo H (photo).

+ **Về án phí:** Căn cứ khoản 2, 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Vũ Văn M, Trịnh Văn Ph mỗi bị cáo phải phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Vũ Văn M phải chịu 5.970.339 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Trịnh Văn Ph phải chịu 2.328.658 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ **Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận :

- TAND Tối cao;
- VKS TP. BMT;
- Chi cục THA TP. B;
- Công an TP. BMT;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- UBND P. Tr, Q K, TP Hải Phòng;
- UBND xã M, H. A, TP Hải Phòng;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền

